

Bản án số: 58/2022/HS-PT
Ngày 07-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

Ông Vi Đức Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Tống Văn Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2022/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Triệu Thị P và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Triệu Thị P, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1968 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Triệu Như P (đã chết) và con bà Bàn Thị G (đã chết); bị cáo có 07 anh chị em bị cáo là người con thứ ba; chồng là Dương Công S (đã chết); con: Có 05 người con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/01/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh; bị cáo hiện tại ngoại, có mặt.

2. Lê Đức T, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1972 tại tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Lê Văn C (đã chết) và con bà Nguyễn Thị N (đã chết); bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là người con thứ sáu; vợ là Võ Thị Nguyên N, sinh năm 1981; con: Có 03 người con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Bản án số 08/2008/HS-ST ngày 18-6-2000 của Tòa án nhân dân huyện Phước Sơn,

tỉnh Quảng Nam xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Bản án số 234/2012/HS-PT ngày 28-11-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 08/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh; bị cáo hiện tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị P:* Ông Hoàng N - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1997, ông Dương Công S (đã chết) là chồng của bị cáo Triệu Thị P được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng (gọi tắt là Bia xanh) với diện tích là 28ha rừng tự nhiên thuộc K, giáp ranh giữa thôn V, xã V, huyện B và thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 162/QĐ-UB ngày 18/8/1997. Vào khoảng tháng 7 năm 2020, Lê Đức T tìm mua đất rừng với mục đích để trồng cây lấy gỗ phát triển kinh tế gia đình, Lê Đức T có quen biết vợ chồng Bàn Thị L và Triệu Văn C. Tháng 12 năm 2020, Bàn Thị L đã giới thiệu và đưa Lê Đức T đến gặp Triệu Thị P để tìm hiểu mua bán đất rừng. Triệu Thị P cho Lê Đức T biết là muốn chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất rừng trong tổng số 28ha đất rừng K. Sau đó Triệu Thị P đưa Lê Đức T đến khu rừng của gia đình để trực tiếp xem đất rừng, sau khi xem rừng xong, hai bên quay về nhà Triệu Thị P cùng trao đổi mua bán đất rừng với nhau. Tại đây, Lê Đức T thỏa thuận sẽ mua khoảng 10 ha đất rừng của Triệu Thị P với giá 10.000.000 đồng/ha. Thời điểm thỏa thuận, trên đất có nhiều cây rừng tự nhiên nên Lê Đức T yêu cầu Triệu Thị P phải phát dọn hết cây tự nhiên mọc trên đất thì Lê Đức T mới mua. Sau khi rừng phát xong, hai bên cùng đo diện tích thực tế đã phát được bao nhiêu sẽ mua bằng diện tích đó. Lê Đức T đặt cọc trước cho Triệu Thị P số tiền là 50.000.000 đồng và viết giấy nhận tiền đặt cọc, Lê Đức T và Triệu Thị P cùng thỏa thuận Triệu Thị P sẽ tìm thuê người đến chặt phát rừng còn Lê Đức T sẽ đưa toàn bộ tiền công thuê người phát rừng cho Triệu Thị P để trả cho người phát rừng thuê. Do quen biết nhau từ trước nên Lê Đức T còn nhờ Bàn Thị L tìm thuê thêm người đến chặt phát rừng K cho Lê Đức T nơi đã thỏa thuận mua bán với Triệu Thị P. Toàn bộ tiền công chặt phát rừng Lê Đức T có trách nhiệm chi trả. Sau đó Lê Đức T đưa tiền công cho Triệu Thị P hai lần, mỗi lần 5.000.000đ tổng cộng là 10.000.000đ và đưa cho Bàn Thị L một lần với số tiền 5.000.000 đồng để Triệu Thị P và Bàn Thị L chi trả cho những người chặt phát rừng. Triệu Thị P đã thuê được 18 người đều là người ở thôn V, xã V, huyện B gồm: Đặng Văn , Bàn Mạnh Q, Dương Thị T, Triệu Văn L, Dương Văn B, Bàn Thị L, Đặng Văn T, Triệu Thị B, Triệu Văn T, Triệu Thị T, Nông Văn N, Dương Thị T, Triệu Văn H, Đặng Văn B, Đặng Văn C, Dương Thị G, Triệu Văn M, Triệu Thị T. Bàn Thị L thuê được 09 người đi chặt phát rừng nhưng không rõ tên, tuổi, địa chỉ, đều là những người

không quen biết từ địa phương khác đến làm thuê phát cỏ cây quế trên địa bàn. Bản thân Bàn Thị L cũng tham gia chặt phát rừng để hưởng tiền công. Những người được thuê chặt phát rừng sử dụng dao và máy cưa để chặt phát. Tiền công mỗi người một ngày chặt bằng dao là 250.000 đồng, bằng máy cưa là 500.000 đồng. Quá trình chặt phát rừng diễn ra trong trong thời gian 3,5 ngày được tổng cộng 58.921 m² thì gia đình ông Hoàng Văn M và ông Hoàng Văn L phát hiện việc phát nhằm vào diện tích rừng của gia đình nên đã yêu cầu Triệu Thị P cho dừng việc phát rừng, đồng thời báo sự việc đến cơ quan chức năng. Sau khi nhận được thông tin vụ việc, Hạt Kiểm lâm huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã tổ chức xác minh và xác định: Khu rừng bị chặt phá thuộc các thửa đất số 2x, 3x, khoảnh 2, tiểu khu 9x, Bản đồ địa chính lâm nghiệp xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Gia đình ông Hoàng Văn M được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 347335 ngày 07/10/2009, thửa đất số 2x, Tờ bản đồ số 2, diện tích 35.822 m². Gia đình ông Hoàng Văn L được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 347342 ngày 07/10/2009, thửa đất số 3x, Tờ bản đồ số 2, diện tích 61.826 m².

Ngày 01/4/2021, Hạt kiểm lâm huyện B ban hành Quyết định số 07/QĐ-KL về việc trưng cầu ông Triệu Lương H là Giám định viên tư pháp theo vụ việc thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn để giám định khu rừng bị chặt phá trên. Tại Kết luận giám định tư pháp ngày 23/4/2021 của Giám định viên tư pháp theo vụ việc kết luận: Xác định tổng diện tích có rừng bị chặt phá là 58.921 m² cụ thể: Thửa thứ 1: Chủ rừng Hoàng Văn L tại thửa số 3x, tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q năm 2009; thuộc lô 1x, khoảnh 2, tiểu khu 9x, Bản đồ hiện trạng rừng năm 2020: diện tích bị chặt phá là 40.954 m². Thửa thứ 2: Chủ rừng Hoàng Văn M tại thửa số 2x, tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Q năm 2009; thuộc lô 1x, khoảnh 2, tiểu khu 9x, Bản đồ hiện trạng rừng năm 2020: diện tích bị chặt phá là 17.967 m². Xác định loại rừng: Đối chiếu với Bản đồ điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn thì diện tích trên đều tại khoảnh 2, tiểu khu 9x thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Xác định trữ lượng rừng và trạng thái rừng: Diện tích rừng bị chặt tại thửa số 3x chủ rừng Hoàng Văn L có tổng trữ lượng gỗ bình quân là 92,17 m³/ha; cây Vầu có mật độ bình quân là 4.066 cây/ha. Diện tích rừng bị chặt tại thửa số 2x chủ rừng Hoàng Văn M có tổng trữ lượng gỗ bình quân là 148,4m³/ha; cây Vầu có mật độ bình quân là 5.260 cây/ha. Thuộc trạng thái rừng hỗn giao tre, nứa, gỗ tự nhiên núi đất.

Ngày 08/4/2021, Hạt Kiểm lâm huyện B phối hợp với lực lượng chức năng tiến hành đo đếm khối lượng gỗ và số lượng cây vầu bị chặt phá. Kết quả đo đếm: Gỗ tròn thuộc loài thông thường bao gồm các loại: Giẻ, sau sau, thành ngành, kháo tròn, chẹo tròn, xoan đào, xoan nhừ, thâu tấu, bông bạc, bồ đề, trầu tròn và gỗ tròn không rõ tên khác thuộc phân loại từ nhóm V đến nhóm VIII: 476 khúc là 83,787 m³. Cây Vầu đường kính lớn hơn 6 cm là 3.917 cây. Cây Vầu đường kính nhỏ hơn 6 cm là 3.097 cây.

Ngày 14/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn định giá thiệt hại về lâm sản, về môi trường để làm căn cứ xử lý vụ án. Tại Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận tổng trị giá thiệt hại về lâm sản là 60.202.000 đồng. Tại Biên bản họp ngày 26/11/2021 về việc xác định giá trị thiệt hại về môi trường của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định: Qua nghiên cứu về Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn, Hội đồng có chung ý kiến trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chưa có quy định xác định giá trị thiệt hại về môi trường. Do vậy Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn không có cơ sở để xác định giá trị thiệt hại về môi trường với tổng diện tích bị chặt phá là 58.921 m².

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên bố các bị cáo Triệu Thị P, Lê Đức T phạm tội Hủy hoại rừng.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 243; các điểm b, m, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38, Điều 17, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Thị P.

Xử phạt bị cáo Triệu Thị P 03 (ba) năm tù, được trừ đi thời gian đã tạm giam là 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày. Nay còn phải chấp hành hình phạt tù là 02 (hai) năm 08 (tám) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38, Điều 17, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Đức T.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian 02 (hai) tháng 13 (mười ba) ngày đã bị tạm giam. Nay còn phải chấp hành hình phạt tù là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng 17 (mười bảy) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc xử lý vật chứng; trách nhiệm bồi thường thiệt hại; quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo; nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, bị cáo Lê Đức T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, bị cáo Triệu Thị P có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Triệu Thị P, Lê Đức T giữ nguyên kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Triệu Thị P, Lê Đức T phạm tội Hủy hoại rừng là đúng người, đúng tội, không oan. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Triệu Thị P xuất trình 01 đơn xin

xác nhận dân sự mang tên Triệu Thị P có xác nhận của Công an xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, biên lai nộp số tiền 15.000.000 đồng, đơn xin xác nhận có nội dung thể hiện gia đình bị cáo đã hiến 20 m² đất làm đường được chính quyền xác nhận và Đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền thể hiện bị cáo đã tham gia tích cực chống dịch bệnh và đóng góp các loại quỹ tại địa phương; bị cáo Lê Đức T xuất trình Đơn xin xác nhận có nội dung thể hiện gia đình bị cáo đã hiến 15 m² đất làm đường được chính quyền xác nhận và Đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền thể hiện bị cáo đã tham gia tích cực chống dịch bệnh và đóng góp các loại quỹ tại địa phương. Các bị cáo Triệu Thị P, Lê Đức T có thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 tuy nhiên không làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Triệu Thị P: Đề nghị hội đồng xét xử xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, đã bồi thường thiệt hại, có nhân thân tốt; nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Triệu Thị P, Lê Đức T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung của Bản án sơ thẩm. Như vậy, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Triệu Thị P, Lê Đức T về tội Hủy hoại rừng theo điểm b khoản 3 Điều 243 của Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Triệu Thị P xin hưởng án treo; bị cáo Lê Đức T xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến hoàn cảnh, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và xử phạt bị cáo Triệu Thị P mức hình phạt 03 năm tù, xử phạt bị cáo Lê Đức T mức hình phạt 03 năm 6 tháng tù là có căn cứ.

[3] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Triệu Thị P đã xuất trình thêm 01 đơn xin xác nhận dân sự mang tên Triệu Thị P có xác nhận của Công an xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, biên lai nộp số tiền 15.000.000 đồng, giấy chứng nhận hộ nghèo, đơn xin xác nhận có nội dung thể hiện gia đình bị cáo đã hiến 20 m² đất làm đường được chính quyền xác nhận và Đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền thể hiện bị cáo đã tham gia tích cực chống dịch bệnh và đóng góp các loại quỹ tại địa phương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo Triệu Thị P có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng cũng không đủ căn cứ thay đổi bản chất vụ án cũng như không đủ để áp dụng cho bị cáo hưởng án treo; để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, cần giữ nguyên hình phạt tù đối với bị cáo. Bị cáo Lê Đức T xuất trình thêm Đơn xin xác nhận có nội dung thể hiện gia đình bị

cáo đã hiến 15 m² đất làm đường được chính quyền xác nhận và Đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền thể hiện bị cáo đã tham gia tích cực chống dịch bệnh, Biên lai nộp tiền án phí, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; cần chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ phần nào hình phạt hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[4] Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Thị P và bị cáo Lê Đức T đã thống nhất thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cụ thể là: Bị cáo Triệu Thị P phải bồi thường 30.000.000 đồng, trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp 15.000.000 đồng; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiếp 15.000.000 đồng; bị cáo Lê Đức T phải bồi thường 30.202.000 đồng, trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp đầy đủ. Thỏa thuận này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ ba nên cần chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo phần nào phù hợp với nhận định nêu trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận; phần không phù hợp thì không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Triệu Thị P, không được chấp nhận nên bị cáo Triệu Thị P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo của bị cáo Lê Đức T được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Triệu Thị P; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt tù đối với bị cáo Triệu Thị P, cụ thể:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 243; các điểm b, m, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38, Điều 17, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Triệu Thị P.

Xử phạt bị cáo Triệu Thị P 03 (ba) năm tù về tội Hủy hoại rừng, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 06/01/2022 đến ngày 08/4/2022 là 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Đức T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2022/HS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt tù đối với bị cáo Lê Đức T, cụ thể:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38, Điều 17, khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Đức T.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội Hủy hoại rừng, được trừ đi thời gian đã tạm giam từ ngày 26/01/2022 đến ngày 08/4/2022 là 02 (hai) tháng 13 (mười ba) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Triệu Thị P và Lê Đức T, cụ thể như sau:

Bị cáo Triệu Thị P phải bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo Triệu Thị P đã nộp đủ 30.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005818 ngày 27/5/2022 và Biên lai thu tiền số AA/2021/0005849 ngày 24/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Bị cáo Lê Đức T phải bồi thường thiệt hại cho Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 30.202.000 đồng (ba mươi triệu hai trăm linh hai ngàn đồng). Xác nhận bị cáo Lê Đức T đã nộp đủ 30.202.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005819 ngày 27/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Triệu Thị P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Lê Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/12/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Long Kiểm